

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Quyết định số 46/QĐ-TTMS ngày 14/8/2024 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp thuốc ARV năm 2024-2025 đợt 3

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM MUA SẮM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Căn cứ Quyết định số 1567/QĐ-BYT ngày 12/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-TTMS ngày 14/8/2024 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp thuốc ARV năm 2024-2025 đợt 3;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-TTMS ngày 10/9/2025 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phân công nhiệm vụ của Giám đốc và các phó Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Công văn 2147/BYT-TCCB ngày 12/4/2025 của Bộ Y Tế về hướng dẫn định hướng sắp xếp, tổ chức lại cơ sở y tế tại đơn vị hành chính các cấp, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ công văn số 1082/PB ngày 01/10/2025 và số 1082/PB ngày 23/10/2025 của Cục Phòng bệnh về việc cung cấp thông tin thực hiện hợp đồng cung ứng thuốc TLD và thuốc TLE nguồn BHYT giai đoạn 2024-2025 sau sáp nhập thực hiện chính quyền hai cấp.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Đấu thầu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh phạm vi cung ứng thuốc của một số cơ sở y tế tại Phụ lục 2 và phụ lục 3 Quyết định số 46/QĐ-TTMS ngày 14/8/2024 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt kết quả lựa

chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp thuốc ARV năm 2024-2025 đợt 3, chi tiết tại phụ lục đính kèm theo quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 122/QĐ-TTMS ngày 23/10/2025 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia. Các nội dung khác tại Quyết định số 46/QĐ-TTMS ngày 14/8/2024 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia giữ nguyên, không thay đổi.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng Nghiệp vụ thuộc Trung tâm và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Phòng bệnh;
- Trung tâm Kiểm soát thanh toán BHXH, BHYT điện tử;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, NVĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đại Hùng

PHỤ LỤC C: PHẠM VI CUNG CẤP CHI TIẾT THEO TỪNG CƠ SỞ Y TẾ
GÓI THẦU CUNG CẤP THUỐC ARV NĂM 2024-2025 ĐỢT 3
(Ban hành kèm theo Quyết định số 123 /QĐ-TTMS ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia)

Mã thuốc: AN5, tên thuốc: Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 50/300/300mg; hoạt chất: Dolutegravir (tương đương Dolutegravir natri 52,6mg) 50mg; Lamivudine 300mg; Tenofovir disoproxil fumarate (tương đương Tenofovir disoproxil 245mg) 300mg; Nồng độ: 50mg, 300mg, 00mg; dạng bào chế: Viên nén bao phim; đường dùng: uống; quy cách đóng gói: Hộp 1 lọ HDPE 30 viên; Nhóm TCKT: Nhóm 5; Hạn dùng (tuổi thọ): 24 tháng; GĐKLH hoặc GPNK: 890110445523; Cơ sở sản xuất: Hetero Labs Limited; Nước sản xuất: Ấn Độ; Đơn giá: 2.651 đồng/viên; Nguồn vốn: BHYT; Công ty trúng thầu: Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức.

STT	Số lượng tại Quyết định số 46/QĐ-TTMS ngày 14/8/2024	Thông tin điều chỉnh đối với số lượng đã cung ứng						Thông tin điều chỉnh đối với số lượng còn lại chưa cung ứng								
		Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc	Số lượng thuốc đã cung cấp cho CSYT	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc	Số lượng thuốc còn lại chưa cung cấp cho CSYT	Tiến độ cung cấp		
														Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3
1	292,680	Bắc Giang	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bắc Giang	24280	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Bắc Giang	24280	242,280	Bắc Ninh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bắc Ninh số 1	24280	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Bắc Ninh số 1	24280	50,400	50,400	0	0
2	404,700	Bạc Liêu	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bạc Liêu	95079	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bạc Liêu	95079	323,760	Cà Mau	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cà Mau	95079	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cà Mau	95079	80,940	40,470	40,470	0
3	151,440	Bình Thuận	Trung Tâm Kiểm soát Bệnh Tật tỉnh Bình Thuận	60167	Trung Tâm Kiểm soát Bệnh Tật tỉnh Bình Thuận	60167	151,440	Lâm Đồng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng	68037	Phòng khám đa khoa và cơ sở điều trị Methadone Cơ sở 1	60167	0	0	0	0
4	70,650	Đắk Nông	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông	67093	Phòng khám Đa Khoa - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông	67093	48,150	Lâm Đồng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng	68037	Phòng khám đa khoa và cơ sở điều trị Methadone Cơ sở 2	67093	22,500	0	11,250	11,250
5	131,130	Hà Nam	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam	35155	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam	35155	107,820	Ninh Bình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	35155	Phòng khám bệnh truyền nhiễm (HIV, Lao...) thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	35155	23,310	23,310	0	0
6	24,480	Hà Nội	Trung tâm Y tế quận Bắc Từ Liêm	01217	Phòng khám đa khoa Chèm - Trung tâm Y tế quận Bắc Từ Liêm	01083	15,540	Hà Nội	Trạm y tế Phường Đồng Ngạc	01G04	Phòng khám đa khoa Chèm trực thuộc Trạm y tế phường Đồng Ngạc	01083	8,940	4,440	4,500	0
7	140,970	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Ba Đình	01801	Phòng khám đa khoa 50 Hàng Bùn (TTYT Quận Ba Đình)	01059	95,250	Hà Nội	Trạm Y tế phường Ngọc Hà	010N6	Phòng khám Lao trực thuộc TYT phường Ngọc Hà	01509	45,720	15,720	15,000	15,000
8	246,900	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Tây Hồ	01803	Phòng khám 695 Lạc Long Quân	01066	123,000	Hà Nội	Trạm y tế phường Tây Hồ	01OP6	Phòng khám đa khoa 695 Lạc Long Quân trực thuộc Trạm y tế phường Tây Hồ	01066	123,900	41,300	41,300	41,300
9	159,330	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Long Biên	01804	Phòng khám Đa khoa Trung tâm (TTYT quận Long Biên)	01092	133,050	Hà Nội	Trạm Y tế phường Việt Hưng	01OP9	Phòng khám đa khoa Trung tâm trực thuộc TYT phường Việt Hưng	01092	26,280	26,280	0	0
10	46,770	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Đống Đa	01806	Phòng khám đa khoa số 3 trực thuộc trung tâm y tế quận Đống Đa	01021	46,710	Hà Nội	Trạm y tế phường Kim Liên	01C68	Phòng khám đa khoa Kim Liên trực thuộc Trạm y tế phường Kim Liên	01021	60	60	0	0
11	310,410	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Hai Bà Trưng	01807	Phòng khám đa khoa Mai Hương (TTYT Hai Bà Trưng)	01070	169,560	Hà Nội	Trạm Y tế phường Hai Bà Trưng	01OO8	Phòng khám đa khoa Bà Triệu trực thuộc TYT phường Hai Bà Trưng	01024	140,850	49,980	49,980	40,890
12	607,560	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Hoàng Mai	01808	Phòng khám đa khoa Linh Đàm trực thuộc Trung tâm y tế quận Hoàng Mai	01045	399,240	Hà Nội	Trạm Y tế phường Định Công	01OO6	Phòng khám đa khoa Linh Đàm trực thuộc trạm Y tế phường Định Công	01045	208,320	208,320	0	0
13	251,580	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Thanh Xuân	01809	Phòng khám đa khoa trực thuộc Trung tâm Y tế quận Thanh Xuân	01074	173,430	Hà Nội	Trạm y tế phường Khương Đình	01OP2	Phòng khám đa khoa trực thuộc Trạm y tế phường Khương Đình	01074	78,150	26,000	26,150	26,000
14	68,370	Hà Nội	Trung tâm y tế Sóc Sơn	01810	Phòng khám đa khoa Trung tâm (TTYT Sóc Sơn)	01033	56,670	Hà Nội	Trạm Y tế xã Sóc Sơn	01OS3	Phòng khám đa khoa Trung tâm trực thuộc Trạm Y tế xã Sóc Sơn	01033	11,700	11,700	0	0
15	268,290	Hà Nội	Trung tâm y tế Đông Anh	01811	Phòng khám đa khoa miền Đông (TTYT huyện Đông Anh)	01084	134,190	Hà Nội	Trạm Y tế xã Thụ Lâm	01F11	Phòng khám đa khoa Miền Đông trực thuộc Trạm Y tế xã Thụ Lâm	01084	134,100	44,610	44,820	44,670
16	66,870	Hà Nội	TTYT huyện Gia Lâm	01812	Phòng khám đa khoa Trâu Quỳ (TTYT Gia Lâm)	01027	44,400	Hà Nội	Trạm y tế xã Gia Lâm	01OQ7	Điểm trạm y tế Cổ Bi trực thuộc trạm y tế xã Gia Lâm	01027	22,470	7,490	7,490	7,490
17	958,680	Hà Nội	Trung tâm Y tế quận Nam Từ Liêm	01813	Phòng khám đa khoa Cầu Diễn trực thuộc Trung tâm Y tế quận Nam Từ Liêm	01091	667,290	Hà Nội	Trạm Y tế Phường Từ Liêm	01OP7	Phòng khám đa khoa Cầu Diễn thuộc Trạm Y tế phường Từ Liêm	01091	291,390	148,680	71,370	71,340

STT	Số lượng tại Quyết định số 46/QĐ-TTMS ngày 14/8/2024	Thông tin điều chỉnh đối với số lượng đã cung ứng						Thông tin điều chỉnh đối với số lượng còn lại chưa cung ứng								
		Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc	Số lượng thuốc đã cung cấp cho CSYT	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc	Mã CSYT cấp thuốc	Số lượng thuốc còn lại chưa cung cấp cho CSYT	Tiến độ cung cấp		
														Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3
18	147,810	Hậu Giang	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	93108	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	93108	120,450	Cần Thơ	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Phụng Hiệp	93004	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Phụng Hiệp	93004	27,360	12,000	15,360	0
19	33,810	Kon Tum	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	62152	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	62152	33,810	Quảng Ngãi	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	51224	Phòng khám đa khoa cơ sở 2 thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	62152	0	0	0	0
20	394,080	Nam Định	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định	36060	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định	36060	328,380	Ninh Bình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	36060	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS và điều trị nghiện chất thuộc trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	36060	65,700	65,700	0	0
21	199,170	Ninh Bình	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	37094	Phòng khám Chuyên khoa HIV/AIDS và điều trị nghiện chất	37062	59,820	Ninh Bình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	37062	Phòng khám Đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	37062	139,350	46,450	46,450	46,450
22	77,220	Ninh Bình	Trung tâm Y tế Thành phố Ninh Bình	37103	Trung tâm y tế Thành phố Ninh Bình	37103	76,890	Ninh Bình	Trung tâm Y tế Hoa Lư	37103	Bệnh viện Đa khoa thuộc Trung tâm Y tế Hoa Lư cơ sở 2	37103	330	330	0	0
23	105,150	Ninh Bình	Trung tâm y tế huyện Hoa Lư	37501	Trung tâm y tế huyện Hoa Lư	37501	69,060	Ninh Bình	Trung tâm Y tế Hoa Lư	37501	Bệnh viện Đa khoa thuộc Trung tâm Y tế Hoa Lư cơ sở 1	37501	36,090	12,030	12,030	12,030
24	180,660	Phú Yên	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên	54117	Phòng khám Chuyên khoa HIV/AIDS và điều trị nghiện chất	54117	110,850	Đắk Lắk	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Lắk	54117	Phòng khám Chuyên khoa HIV/AIDS và điều trị nghiện chất	54117	69,810	34,350	35,460	0
25	125,190	Quảng Bình	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Bình	44417	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA THUỘC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG BÌNH	44417	115,140	Quảng Trị	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị	44417	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị	44417	10,050	10,050	0	0
26	272,100	Quảng Ngãi	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	51224	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS	51224	272,100	Quảng Ngãi	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	51224	Phòng Khám, điều trị HIV/AIDS - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	51224	0	0	0	0
27	30,330	Quảng Trị	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị	45092	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị	45092	30,330	Quảng Trị	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị	45092	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị (Cơ sở 2)	45092	0	0	0	0
28	1,008,240	Tiền Giang	TTKSBT tỉnh Tiền Giang	82215	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Tiền Giang	82215	834,990	Đồng Tháp	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	82215	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật	82215	173,250	173,250	0	0